

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 727/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022.

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh

2. Ông Nguyễn Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2022/TLST-HN ngày 02 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Hữu Th, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thanh T trình bày:**

Chị với anh Trần Hữu Th sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/2016. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, vợ chồng không còn sự quan tâm và đã ly thân khoảng 04 tháng nay. Chị nhận thấy giữa chị và anh Th đã không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu Th. Về con chung, chị và anh Th có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2016, Trần Thị Như Y, sinh ngày 09/10/2021, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục

nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị và anh Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Hữu Th trình bày:*

Anh với chị Bùi Thanh T sống chung năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, do anh không làm tốt trách nhiệm người chồng, vợ chồng không còn sống chung khoảng 04 tháng nay. Tuy nhiên, anh còn thương vợ, thương con nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, vì vậy anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh thừa nhận có 02 con chung như chị T trình bày. Trường hợp Tòa án quyết định cho ly hôn anh thống nhất ý kiến chị T giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng anh sẽ tự thỏa thuận với chị T. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Bùi Thanh T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Hữu Th đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thanh T được ly hôn với anh Trần Hữu Th, giao con chung cho chị Bùi Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thanh T yêu cầu ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Trần Hữu Th có nơi cư trú tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét nguyên đơn chị Bùi Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Hữu Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Hữu Th sống chung có đăng ký kết hôn năm 2016, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Tòa án đã tiến hành xác

minh mâu thuẫn gia đình giữa chị T, anh Th, tuy nhiên địa phương không nắm rõ, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ trên cơ sở tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để xem xét đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án chị T, anh Th thống nhất thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, anh Th thừa nhận anh đã không làm tốt trách nhiệm người chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Th không lớn nhưng anh, chị đã không có giải pháp giải quyết mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung nhiều tháng nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tại biên bản hòa giải ngày 28/7/2022, anh Th xác định anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không thể đưa ra giải pháp để giải quyết mâu thuẫn và chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Th không đến tham dự phiên tòa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thanh T.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Hữu Th có 02 con chung là Trần Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2016, Trần Thị Như Y, sinh ngày 09/10/2021. Xét thấy cháu Như, cháu Ý đều chưa đủ 18 tuổi nên cần có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện các cháu đang sống chung với chị T, đã ổn định, anh Th cũng có ý kiến thống nhất nếu ly hôn đồng ý để con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung Trần Thị Thanh N, Trần Thị Như Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Hữu Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Hữu Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh T được ly hôn với anh Trần Hữu Th.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2016, Trần Thị Như Y, sinh ngày 09/10/2021 cho chị Bùi Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Hữu Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

5. Về án phí: Chị Bùi Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 20494 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thanh T, anh Trần Hữu Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Hưng, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương